



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 24/10/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: H10.GK1.033

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong chu kì 3, đi từ aluminium (Al, $Z = 13$) đến phosphorus (P, $Z = 15$) theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân, độ âm điện của các nguyên tố

- A. giảm dần B. giảm rồi tăng C. không đổi D. tăng dần

Câu 2. Hai đồng vị ^{52}Cr và ^{53}Cr của chromium khác nhau về

- A. số neutron trong hạt nhân. B. điện tích hạt nhân.
C. số electron ở lớp vỏ. D. số proton trong hạt nhân.

Câu 3. Luận điểm đặc trưng của “mô hình Rutherford - Bohr” là

- A. Nguyên tử có hạt nhân rất nhỏ mang điện dương, phần còn lại gần như rỗng.
B. Nguyên tử là khối cầu điện dương có các electron gắn vào.
C. Electron chuyển động trên những quỹ đạo tròn có mức năng lượng xác định.
D. Electron chuyển động không theo quỹ đạo xác định, chỉ nói được xác suất tìm thấy.

Câu 4. Nguyên tử helium (He, $Z = 2$) có electron phân bố theo lớp là 2. Xét lớp electron thứ 1 (lớp K) của nguyên tử ấy. Lớp ấy đang có bao nhiêu electron?

- A. 2 B. 1 C. 4 D. 3

Câu 5. Người lập bảng liệt kê ba mươi ba chất khí ấy được coi là nguyên tố là

- A. Glenn Seaborg B. IUPAC C. William Ramsay D. Antoine Lavoisier

Câu 6. Trên phổ khối lượng của một nguyên tố, hoành độ mỗi tín hiệu cho biết

- A. số proton của nguyên tố.
B. tỉ số m/z , ứng với số khối của một đồng vị khi ion mang một đơn vị điện tích.
C. nguyên tử khối trung bình của nguyên tố.
D. phần trăm số nguyên tử của đồng vị ấy.

Câu 7. Lớp electron thứ 4 chứa được tối đa bao nhiêu electron?

- A. 8 B. 16 C. 32 D. 18

Câu 8. Nguyên tử của nguyên tố X có cấu hình electron $1s^2 2s^2 2p^3$. Nguyên tố X đứng ở ô số

- A. 7 B. 8 C. 5 D. 2

Câu 9. Trong tiến trình nghiên cứu hóa học, bước “xác định vấn đề nghiên cứu” có nội dung là

- A. Đưa ra dự đoán có thể kiểm tra được bằng thí nghiệm.
- B. Chọn dụng cụ, hóa chất và cách đo phù hợp.
- C. Nêu rõ câu hỏi cần trả lời.
- D. Tính toán, lập bảng, vẽ đồ thị và ước lượng sai số.

Câu 10. Ni có $Z = 28$ và cấu hình nguyên tử nền $[\text{Ar}]3d^84s^2$. Khi tạo cation, electron 4s mất trước 3d. Chỉ xét ion tự do theo cách điền Hund; chưa xét tách mức do phối tử. Bộ kết quả nào đúng?

- A. Cấu hình này xác định độc thân trong mọi phức chất.
- B. $\text{Ni}^{2+} : [\text{Ar}]3d^8$, $\text{Ni}^{3+} : [\text{Ar}]3d^7$ từ 2 + lên 3 + mất 1 electron 3d. Độc thân 2/3 Ni^{3+} ...
- C. Hai ion có 3 và 4 electron độc thân.
- D. Cation 2 + vẫn giữ $4s^2$ và mất hết electron từ d trước.